TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2020/QĐST-HNGĐ	*Hồng Bàng, ngày 08 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Chị NTTH, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 6/G2, CT3 A7, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng.

Anh PHN, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 6/G2, CT3 A7, tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTTH và anh PHN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 29 tháng 10 năm 2008. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc và anh chị đã có với nhau ba con chung. Đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do những bất đồng về tính cách, quan điểm sống dẫn đến rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, mặc dù anh chị đã được họ hàng hai bên động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh chị có ba con chung là D, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2009; E, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2011 và F, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2016. Ly hôn anh chị thỏa thuận với nhau chị NTTH sẽ nuôi hai con D và F; anh PHN sẽ nuôi con E cho đến lúc các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi

khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị NTTH và anh PHN tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị NTTH và anh PHN tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 31/3/2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận chị NTTH và anh PHN thuận tình ly hôn.

[6] Về lệ phí dân sự: Chị NTTH và anh PHN, mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NTTH và anh PHN thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị NTTH và anh PHN có ba con chung là D, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2009; E, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2011 và F, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2016. Ly hôn anh chị thỏa thuận với nhau chị NTTH sẽ nuôi hai con D và F; anh PHN sẽ nuôi con E cho đến lúc các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị NTTH và anh PHN thống nhất khai tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Chị NTTH và anh PHN thống nhất khai tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị NTTH và anh PHN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị NTTH và anh PHN, mỗi người phải nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009821 ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục

Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTTH và anh PHN đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Phương